

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRÀ CÚ
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 18-8-2017

“V/v tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ CÚ, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lý Văn Sáu**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Nguyễn Thị Anh Đào**

2. Bà **Trần Thị Tím**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Hữu Tài** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh.

Ngày 18 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 197/2017/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2017 về việc “Tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2017/QĐXXST-HNGĐ, ngày 03 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Hồng Ngọc V**, sinh năm 1971; cư trú tại ấp G, xã Đ, huyện T, tỉnh Trà Vinh. (vắng mặt)

- Bị đơn: Ông **Ngô Văn T**, sinh năm 1968; cư trú tại ấp G, xã Đ, huyện T, tỉnh Trà Vinh. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 22/5/2017, nguyên đơn **Hồng Ngọc V** trình bày: Bà và ông **Ngô Văn T** tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân với nhau trước sự chứng kiến và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới vào năm 1989 nhưng không đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau rất hạnh phúc, luôn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tính tình hai người không còn hợp nhau nữa nên thường xuyên cự cãi với nhau, ông T cũng không lo làm ăn mà còn hay uống rượu về rồi la mắng bà rất thậm tệ, hai

người đã sống ly thân từ năm 2014 cho đến nay. Nay cảm thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Ngô Văn T.

- Về con chung: Bà V và ông T có với nhau một người con chung là Ngô Nhật K, sinh năm 1990, hiện đã trưởng thành và không yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề con chung. Tài sản chung thì có 10 công đất trồng lúa, bà và ông T tự thỏa thuận với nhau không yêu cầu giải quyết. Nợ chung không có.

- Tại bản tự khai ngày 17/7/2017, bị đơn Ngô Văn T thống nhất với yêu cầu khởi kiện của bà V, sau khi ly hôn thì quyền tự do không ai được xúc phạm ai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn Ngô Văn T có đơn đề nghị được giải quyết vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng của Tòa án, nguyên đơn Hồng Ngọc V có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay, do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Bà V và ông T chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1989 và có một người con chung là Ngô Nhật K, sinh năm 1990, nhưng ông bà không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống bình thường cho đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, bà V đến nay vẫn cương quyết giữ nguyên yêu cầu là muốn được ly hôn và ông T cũng thống nhất với yêu cầu của bà V, tuy nhiên do quan hệ giữa bà V và ông T không phải là quan hệ hôn nhân hợp pháp, ông bà đã có đủ điều kiện kết hôn theo quy định nhưng lại không đăng ký kết hôn là vi phạm pháp luật về hôn nhân và gia đình, do đó không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ, chồng. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 không công nhận bà V với ông T là vợ chồng.

[3] Về con chung: Bà V và ông T thống nhất có một người con chung là Ngô Nhật K, sinh năm 1990 hiện nay đã trưởng thành, không có yêu cầu giải quyết về vấn đề con chung.

[4] Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử cũng không đặt ra xem xét.

[5] Về nợ chung: Các đương sự xác nhận không có.

[6] Về án phí: Bà Hồng Ngọc V phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp trước theo biên lai thu tiền số 0011134 ngày 23/5/2017 của Chi cục Thi hành án huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 238 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không công nhận bà Hồng Ngọc V và ông Ngô Văn T là vợ chồng.
2. Về con chung: Ngô Nhật K, sinh năm 1990, các đương sự không yêu cầu giải quyết về vấn đề con chung.
3. Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.
4. Về nợ chung: Các đương sự xác nhận không có.
5. Về án phí: Bà Hồng Ngọc V phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp trước theo biên lai thu tiền số 0011134 ngày 23/5/2017 của Chi cục Thi hành án huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh.
6. Quyền kháng cáo: Bà V và ông T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Trà Cú;
- Chi cục THADS huyện Trà Cú;
- UBND xã Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lý Văn Sáu